TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK
Bản án số: 118/2018/HNGĐ-ST
Ngày 17-9-2018
V/v: "Tranh chấp về ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

THnh phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa: Bà Vũ Thị Dư

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Vĩnh Mai

2. Bà Nguyễn Thị Bạn

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Nguyệt Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buoân Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 17 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 398/2018/TLST-HNGĐ ngày 23/5/2018 về "Tranh chấp về ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2018/QĐXX-ST ngày 14 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Cao Thị H, sinh năm 1980 - vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Đường T, phường M, Quận T, thành phố H.

2. Bị đơn: Ông Võ Hải B, sinh năm 1977 - Vắng mặt.

Địa chỉ: Đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 5 năm 2018 và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Cao Thị H trình bày: Bà H kết hôn với ông B trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 31/8/2009 tại Ủy ban nhân dân phường phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và căng thẳng từ 2011 đến nay. Nguyên nhân do tính tình không hợp, quan điểm bất đồng, vợ chồng đã cố gắng hòa giải nhưng không thành mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và đã tự sống ly thân mỗi người một nơi từ 2012 cho đến nay. Suốt trong quá trình sống ly thân cả hai bên đều không có thiện

chí hàn gắn tình cảm, mà bỏ mặc không quan tâm đến nhau, mặc ai nấy sống. Nay bà H nhận thấy tình cảm, tình thương yêu vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã kéo dài và ở mức trầm trọng nên bà H xin được ly hôn với B.

Về con chung: Vợ chồng bà H có hai con chung là Võ Hải H1, sinh này 27/02/2010 và Võ Hải H2, sinh ngày 27/02/2010. Từ khi ly thân hai cháu do ông B trực tiếp nuôi dưỡng, hàng tháng bà H cấp dưỡng tiền để ông B nuôi con, nên khi ly hôn bà H chấp nhận để ông B trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung đến khi thành niên. Việc cấp dưỡng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: không có.

Về công nợ: Không có .

Bị đơn ông Võ Hải B đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu của nguyên đơn thì đây là vụ án "Tranh chấp về ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Võ Hải B đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt là lần thứ hai, do đó Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn là phù hợp theo quy tại điểm khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà Cao Thị H và ông Võ Hải B tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 31/8/2009 có đăng kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Quá trình duy trì hôn nhân bà H – ông B xảy ra mâu thuẫn và đã tự sống ly thân mỗi người một nơi từ 2012 cho đến nay, trong thời gian ly thân cả hai bên đều không có thiện chí hàn gắn tình cảm mà bỏ mặc ai nấy sống không quan tâm tới nhau. Bản thân ông B không có ý kiến phản đối gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà H. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng bà H – ông B đã kéo dài, thời gian ly thân đã nhiều năm, nhưng cả hai bên đều không tìm được biện pháp giải quyết mâu thuẫn mà bỏ mặc ai nấy sống, không quan tâm tới nhau, mục đích hôn

nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn ông B của bà H là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Bà H – ông B có 02 con chung là Võ Hải H1, sinh này 27/02/2010 và Võ Hải H2, sinh ngày 27/02/2010, từ khi vợ chồng ly thân hai cháu đều do ông B trực tiếp nuôi dưỡng, để đảm bảo việc ăn ở, học hành ổn định cho các cháu, bà H có ý kiến khi ly hôn để ông B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên, hai cháu H1 và H2 cũng đều xin được ở với ông B là phù hợp nên cần chấp nhận. Về cấp dưỡng bà H không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết là phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung và công nợ: Bà H xác định không có nên không yêu cầu giải quyết .

[3] Về án phí: Bà H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ: Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ: Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

1.Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Cao Thị H và ông Võ Hải B.

***2.*Về nuôi con chung**:

Giao con chung là Võ Hải H1, sinh này 27/02/2010 và Võ Hải H2, sinh ngày 27/02/2010 cho ông Võ Hải B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết.

Bà Cao Thị H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở .

3. Về chia tài sản: Đương sự xác định không có tài sản và công nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết .

4.***Về án phí***: Bà Cao Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm; khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà H đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự thành phố B theo biên lại thu tiền số: 0003842 ngày 18/5/2018.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
-P.NV&THA TA tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND TP.BMT;
-CCTHADS TP.BMT;
-UBND p.T, Tp.BMT;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Vũ Thị Dư